TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 09/4/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thu Huệ;
2. Bà Hồ Huỳnh Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Định – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 632/2024/DSST ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Trung H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số C G, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 939/2024/UQ-TT.XLN ngày 01/8/2024) (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Giang H1, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số H đường số B, KDC K, tổ E, KP A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn có ông Nguyễn Quang Trung H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/4/2021, Bà H1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà H1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Platinum 436438-8272 với hạn mức sử dụng là 400.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 22/07/2022 Bà H1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng để cấp thêm Thẻ tín dụng Visa Signature 455376-8663 với hạn mức sử dụng chung là 250.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 723.051.306 đồng (trong đó thẻ V 436438 - 8272 là 490.291.882 đồng, thẻ Visa Signature 455376-8663 là 232.759.424 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 544.149.172 đồng. (Trong đó thẻ Visa Credit Platinum 436438 8272 là 335.983.684 đồng, thẻ Visa Signature 455376 8663 là 208.165.488 đồng). (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc. nhắc nhở nhưng Bà H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/06/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 09/4/2025, Bà H1 còn nợ tổng số tiền 384.665.859 đồng cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Số tiền GD	Số tiền đã trả	Dư nợ gốc	Lãi quá hạn	Tổng nợ	Lãi suất
Visa Credit Platinum	436438-8272	490.291.882	335.983.684	234.012.710	89.446.280	323.458.990	3.723% (2.482% *150%)
Visa Signature	455376-8663	232.759.424	208.165.488	44.682.471	16.524.398	61.206.869	3.723% (2.482% *150%)
Tổng cộng		723.051.306	544.149.172	278.695.181	105.970.678	384.665.859	

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà H1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về nợ, tuy nhiên Bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu:

Buộc Bà Nguyễn Thị Giang H1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/4/2025 là 384.665.859 đồng.

Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/4/2025 trở đi cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mà bà Giang H1 đã ký.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Giang H1 đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Giang H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn là: Số H đường số B, KDC K, tổ E, KP A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bà Nguyễn Thị Giang H1 ghi trong giao dịch Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng và các văn bản khác với nguyên đơn đều thể hiện bà Nguyễn Thị Giang H1 tạm trú tại địa chỉ: Số H đường số B, KDC K, tổ E, KP A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 823/2024/QĐ-CCTLCC ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự bà Nguyễn Thị Giang H1 có thực tế cư trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng hiện đang vắng mặt tại địa phương.

Căn cứ vào Điều 10 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1. Nay bà Nguyễn Thị Giang H1 vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự

2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1 là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Nguyễn Thị Giang H1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/4/2025 là 384.665.859 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 278.695.181 đồng; Lãi quá hạn là: 105.970.678 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 10/4/2025 trở đi, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 19/4/2021 và ngày 22/7/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Giang H1, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Giang H1 có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận việc sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 400.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 15/6/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/4/2025, bà H1 còn nợ số tiền là 384.665.859 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 278.695.181 đồng; Lãi quá hạn là: 105.970.678 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 19/4/2021 và ngày 22/7/2022 thì bà Nguyễn Thị Giang H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền

khi đến hạn". Đến nay bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 09/4/2025 là 384.665.859 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 278.695.181 đồng; Lãi quá hạn là: 105.970.678 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 19/04/2021 và ngày 22/7/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Giang H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/4/2025 là 384.665.859 (Ba trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 278.695.181 (Hai trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn một trăm tám mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn là: 105.970.678 (Một

trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi ngàn sáu trăm bảy mươi tám) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 10/4/2025 trở đi, bà Nguyễn Thị Giang H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 19/04/2021 và ngày 22/7/2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Giang H1 phải chịu 19.233.293 (Mười chín triệu hai trăm ba mươi ba ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 7.418.583 (Bảy triệu bốn trăm mười tám nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036506 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Định).

TAND QUẬN 7

KZG090425.TL.QDBA 940

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương